

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

1.1. Khái niệm

1.1.1 Khái niệm

“Khoản phải thu là một loại tài sản lưu động của doanh nghiệp, tính dựa trên tất cả các khoản nợ, các giao dịch chưa thanh toán hoặc bất cứ nghĩa vụ tiền tệ nào mà con nợ, khách hàng, đối tác còn nợ với công ty.

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính) giữa doanh nghiệp và người mua (là các đơn vị độc lập với người bán, gồm các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác.”

(Nguồn: Trần Thị Ngọc Huyền, 2024).

1.1.2. Đặc điểm, phân loại

+ **Đặc điểm:**

- Các khoản phải thu không được giao dịch trên sàn chứng khoán.
- Khoản phải thu từ khách hàng là số tiền mà doanh nghiệp chưa thu hồi được do khách hàng chưa thanh toán sau khi mua hàng hóa hoặc sử dụng dịch vụ. Điều này thường chiếm một phần lớn trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.
- Khoản phải thu của khách hàng phát sinh khi có sự chênh lệch giữa thời điểm bán hàng và thời điểm thu tiền, và đó là khoản tiền mà doanh nghiệp sẽ nhận được trong tương lai. Vì vậy, nó được ghi nhận là một loại tài sản và thể hiện ở phần Tài sản trên Bảng cân đối kế toán.

+ **Phân loại:**

Phân loại theo đối tượng: các khoản phải thu được chia làm các loại như sau:

- Phải thu khách hàng
- Phải thu nội bộ
- Phải thu khác

Phân loại theo thời gian: các khoản phải thu được chia làm các loại như sau:

- Phải thu ngắn hạn
- Phải thu dài hạn

1.1.3. Vai trò, nhiệm vụ

+Vai trò:

- Kế toán công nợ phải thu đóng vai trò quan trọng trong hệ thống kế toán của mỗi doanh nghiệp.
- Việc quản lý hiệu quả các khoản công nợ phải thu không chỉ là yêu cầu cần thiết mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển và bền vững của doanh nghiệp.
- Việc tổ chức và triển khai hiệu quả công tác kế toán công nợ phải thu đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện tình hình tài chính của doanh nghiệp.

+Nhiệm vụ:

- Ghi chép chính xác và kịp thời các khoản nợ phải thu từ khách hàng theo từng đối tượng, thời hạn thanh toán và các khoản chiết khấu liên quan.
- Kế toán công nợ phải thu cần theo dõi sát sao tình hình công nợ, chính sách bán hàng trả chậm và thanh toán quốc tế. Định kỳ lập báo cáo về tình hình thu hồi công nợ từ khách hàng. Đối với những khách hàng giao dịch thường xuyên, cần đối chiếu công nợ vào cuối kỳ.
- Kế toán cần xác minh trực tiếp hoặc yêu cầu xác minh bằng văn bản đối với các khoản nợ lâu ngày chưa thu hồi được và có nguy cơ khó thu để làm cơ sở lập dự phòng cho các khoản nợ khó đòi.
- Các khoản phải thu thường có số dư bên nợ, tuy nhiên, có thể xuất hiện số dư bên có trong quan hệ với từng đối tượng nợ. Cuối kỳ, khi lập báo cáo tài chính, cần tính toán chi tiết các khoản phải thu và phải trả để phản ánh đúng các chỉ tiêu bên “Tài sản” và bên “Nguồn vốn” trên bảng cân đối kế toán.

1.2.Ý nghĩa và sự cần thiết của kế toán phải thu của khách hàng

Kế toán công nợ phải thu của khách hàng có ý nghĩa quan trọng trong việc phản ánh chính xác tình hình tài chính, quản lý dòng tiền, đánh giá hiệu quả kinh doanh và kiểm soát nợ xấu của doanh nghiệp. Nó giúp doanh nghiệp theo dõi, ghi nhận và quản lý các khoản nợ của khách hàng một cách chính xác và kịp thời. Điều này không chỉ đảm bảo tính minh bạch và trung thực trong báo cáo tài chính mà còn giúp doanh

nghiệp dự đoán được dòng tiền trong tương lai, từ đó lập kế hoạch tài chính hiệu quả hơn. Ngoài ra, việc quản lý tốt các khoản nợ phải thu còn giảm thiểu rủi ro mất mát tài chính do nợ xấu, giúp doanh nghiệp duy trì và phát triển ổn định trong môi trường kinh doanh cạnh tranh hiện nay. Đồng thời, kế toán phải thu cung cấp nguồn thông tin quan trọng để lập kế hoạch tài chính và bảo vệ quyền lợi doanh nghiệp, đảm bảo rằng các khoản nợ được thu hồi đầy đủ và đúng hạn. Vì thế, việc thực hiện tốt kế toán phải thu của khách hàng là một yếu tố tất yếu không thể thiếu để đảm bảo sự phát triển bền vững và thành công lâu dài của doanh nghiệp.

1.3.Luật, nghị định, chuẩn mực, thông tư:

+ Luật:

“- Luật số 88/2015/QH13, Quốc Hội khóa XIII, ban hành về “*Luật kế toán*”, ngày ban hành 20/11/2015, ngày hiệu lực 01/01/2017.

- Luật số 31/2013/QH13, Quốc Hội khóa XIII, ban hành về “*Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng*”, ngày ban hành 19/06/2013, ngày hiệu lực 01/01/2014.

- Luật số 59/2020/QH14, Quốc Hội khóa XIV, ban hành về “*Luật doanh nghiệp*”, ngày ban hành 17/06/2020, ngày hiệu lực 01/01/2021.”

(Nguồn: Thư Viện Pháp Luật).

+ Nghị định:

“- Nghị định số 109/2013/NĐ-CP, ban hành về “*Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn*”, do Chính phủ ban hành ngày 24/09/2013, ngày hiệu lực 09/11/2013.

- Nghị định số 13/VBHN-BTC, ban hành về “*Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật thuế giá trị gia tăng*”, do Bộ tài chính ban hành ngày 26/05/2015.

- Nghị định số 139/2016/NĐ-CP, ban hành về “*Quy định về lệ phí môn bài*”, do Chính phủ ban hành ngày 04/10/2016, ngày hiệu lực 01/01/2017.”

(Nguồn: Thư Viện Pháp Luật).

+ Chuẩn mực:

“- Điều 31, Chuẩn mực kế toán số 01: Chuẩn mực chung do Bộ Tài Chính ban hành ngày 31/12/2002.

- Điều 10 và Điều 16, Chuẩn mực kế toán số 14: Doanh thu và thu nhập khác do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2001.”

(Nguồn: Kế toán Thiên Ưng).

+ Thông tư:

“- Thông tư số 156/2013/TT-BTC, ban hành về “*Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý Thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP*”, do Bộ Tài Chính ban hành ngày 06/11/2013, ngày hiệu lực 20/12/2013.

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC, ban hành về “*Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*”, do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014, ngày hiệu lực 05/02/2015.

- Thông tư số 53/2016/TT-BTC, ban hành về “*Sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*”, do Bộ tài chính ban hành ngày 21/03/2016, ngày hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2016.”
(Nguồn: Thư Viện Pháp Luật).

Hạch toán kế toán phải thu của khách hàng theo Thông tư 200:

“- *Khi bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ chưa thu được ngay bằng tiền (kể các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác), kế toán ghi nhận doanh thu, ghi:*

a) Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa có thuế, các khoản thuế gián thu phải nộp được tách riêng ngay khi ghi nhận doanh thu (Kể cả thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp), ghi:

Nợ TK 131 – Phải thu của khách hàng (tổng giá thanh toán)

 Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (giá chưa có thuế)

 Có TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

b) Trường hợp không tách ngay được các khoản thuế phải nộp, kế toán ghi nhận doanh thu bao gồm cả thuế phải nộp. Định kỳ kế toán xác định nghĩa vụ thuế phải nộp và ghi giảm doanh thu, ghi:

Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

- *Kế toán hàng bán bị khách hàng trả lại:*

Nợ TK 5213 – Hàng bán bị trả lại (giá bán chưa có thuế)

Nợ TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, chi tiết cho từng loại thuế)

Có TK 131 – Phải thu của khách hàng.

- *Kế toán chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán:*

a) Trường hợp số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán đã ghi ngay trên hóa đơn bán hàng, kế toán phản ánh doanh thu theo giá đã trừ chiết khấu, giảm giá (ghi nhận theo doanh thu thuần) và không phản ánh riêng số chiết khấu, giảm giá.

b) Trường hợp trên hóa đơn bán hàng chưa thể hiện số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán do khách hàng chưa đủ điều kiện để nhận hưởng hoặc chưa xác định được số phải chiết khấu, giảm giá thì doanh thu ghi nhận theo giá chưa trừ chiết khấu (doanh thu gộp). Sau thời điểm ghi nhận doanh thu, nếu khách hàng chưa đủ điều kiện được hưởng chiết khấu, giảm giá thì kế toán phải ghi nhận riêng khoản chiết khấu giảm giá để định kỳ điều chỉnh giảm doanh thu gộp, ghi:

Nợ TK 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu (5211,5212) (giá chưa có thuế)

Nợ TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế của hàng giảm giá, chiết khấu thương mại)

Có TK 131 – Phải thu của khách hàng (tổng số tiền giảm giá).

- *Số chiết khấu thanh toán phải trả cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi:*

Nợ TK 111 – Tiền mặt

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính (số tiền chiết khấu thanh toán)

Có TK 131 – Phải thu của khách hàng.

- *Nhận được tiền do khách hàng trả (kể cả tiền lãi của số nợ - nếu có), nhận tiền ứng trước của khách hàng theo hợp đồng bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ, ghi:*

Nợ các TK 111, 112,...

Có TK 131 – Phải thu của khách hàng

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (phần tiền lãi).

Trường hợp nhận ứng trước bằng ngoại tệ thì bên Có TK 131 ghi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận tiền ứng trước (tỷ giá mua của ngân hàng nơi thực hiện giao dịch).

- *Phương pháp kế toán các khoản phải thu của nhà thầu đối với khách hàng liên quan đến hợp đồng xây dựng:*

a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch:

+ Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, kế toán căn cứ vào chứng từ phản ánh doanh thu tương ứng với phần công việc đã hoàn thành (không phải hóa đơn) do nhà thầu tự xác định, ghi:

Nợ TK 337 – Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

+ Căn cứ vào hóa đơn được lập theo tiến độ kế hoạch để phản ánh số tiền khách hàng phải trả theo tiến độ kế hoạch đã ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131 – Phải thu của khách hàng

Có TK 337 – Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (33311).

b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, kế toán phải lập hóa đơn trên cơ sở phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận, căn cứ vào hóa đơn, ghi:

Nợ TK 131 – Phải thu của khách hàng

Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (33311).

c) Khoản tiền thưởng thu được từ khách hàng trả phụ thêm cho nhà thầu khi thực hiện hợp đồng đạt hoặc vượt một số chỉ tiêu cụ thể đã được ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131 – Phải thu của khách hàng

Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (33311).

d) Khoản bồi thường thu được từ khách hàng hay các bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá trị hợp đồng (như sự chậm trễ, sai sót của khách hàng và các tranh chấp về các thay đổi trong việc thực hiện hợp đồng), ghi:

Nợ TK 131 – Phải thu của khách hàng

Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (33311).

đ) Khi nhận được tiền thanh toán khối lượng công trình hoàn thành hoặc khoản ứng trước từ khách hàng, ghi:

Nợ các TK 111, 112,...

Có TK 131 – Phải thu của khách hàng.

- Trường hợp khách hàng không thanh toán bằng tiền mà thanh toán bằng hàng (theo phương pháp hàng đổi trả), căn cứ vào giá trị vật tư, hàng hóa nhận trao đổi (tính theo giá trị hợp lý ghi trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng của khách hàng) trừ vào số nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 152 – Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 153 – Công cụ, dụng cụ

Nợ TK 156 – Hàng hóa

Nợ TK 611 – Mua hàng (hàng tồn kho kế toán theo phương pháp KKĐK)

Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 131 – Phải thu của khách hàng.

- Trường hợp phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi thật sự không thể thu nợ được phải xử lý xóa sổ, căn cứ vào biên bản xử lý xóa nợ, ghi:

Nợ TK 229 – Dự phòng tổn thất tài sản (2293) (số đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp (số chưa lập dự phòng)

Có TK 131 – Phải thu của khách hàng.

- Kế toán khoản phải thu về phí ủy thác tại bên nhận ủy thác xuất nhập khẩu:

Nợ TK 131 – Phải thu của khách hàng

Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (5113)

Có TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (33311).

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư nợ phải thu của khách hàng bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

+ Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 131 – Phải thu của khách hàng

Có TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

+ Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có TK 131 – Phải thu của khách hàng.”


(Nguồn: Tài khoản 131 – Theo thông tư 200, Kế toán Thiên Ưng).

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG VIỆC KẾ TOÁN PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG – MÔI TRƯỜNG QH

2.1. Giới thiệu về công ty

2.1.1. Thông tin về Công ty TNHH Xây Dựng – Môi Trường QH:

Logo	 <p style="text-align: center;">QH ENVIRONMENT - CONSTRUCTION. CO. LTD</p>
Tên giao dịch tiếng Anh	QH ENVIRONMENT CONSTRUCTION COMPANY LIMITED
Tên giao dịch tiếng Việt	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG – MÔI TRƯỜNG QH
Địa chỉ	345/72 Hà Huy Giáp, Khu Phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số thuế	0313042939
Người đại diện pháp luật	Huỳnh Nhơn Quý
Ngày thành lập	06/12/2014
Số điện thoại	028 6685 4539 – 0934 893 855
Website	xulymoitruong.org
Email	xaydungmoitruongqh@gmail.com
Ngành nghề kinh doanh	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Thoát nước và xử lý nước thải

+ Hình ảnh minh họa sản phẩm/ dịch vụ:



Hình 2.1: Thép không gỉ 304



Hình 2.2: Đồng hồ nước thân gang

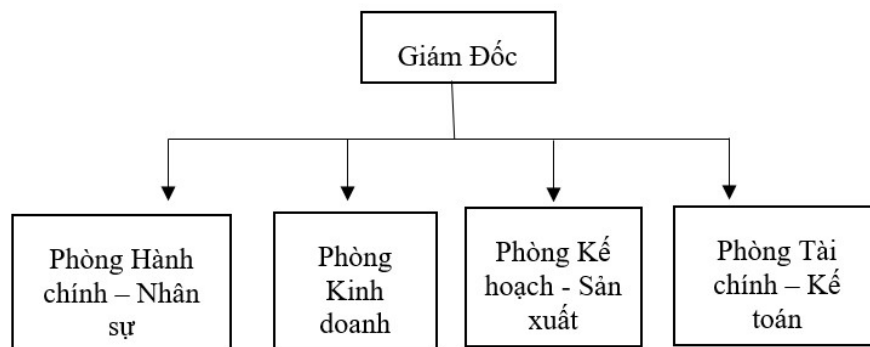


Hình 2.3: Bơm định lượng



Hình 2.4: Mật rỉ

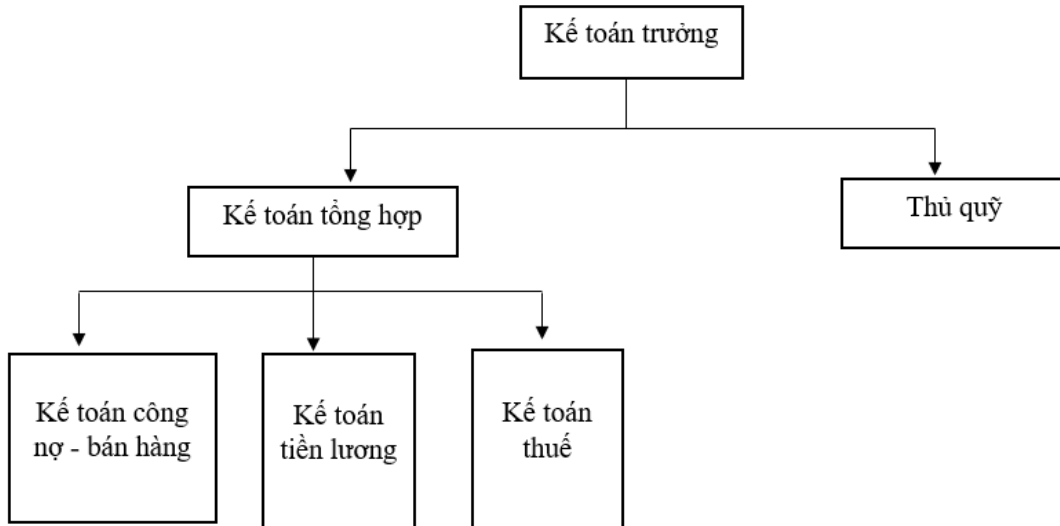
2.1.2. Sơ đồ tổ chức công ty



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức Công ty

2.2. Tổ chức hệ thống kế toán:

2.2.1. Sơ đồ tổ chức phòng kế toán



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức phòng Kế toán

2.2.2. Công việc và nhiệm vụ của từng chức danh tại phòng kế toán

+ **Kế toán trưởng: Trần Thị Kim Yến**

- Tổ chức hệ thống kế toán dựa trên việc xác định khối lượng công việc, đồng thời điều hành và giám sát hoạt động của bộ máy kế toán.
- Phê duyệt các tài liệu kế toán và có quyền từ chối phê duyệt các vấn đề liên quan đến tài chính của công ty.
- Tư vấn cho giám đốc về việc lập kế hoạch và chiến lược tài chính kinh tế nhằm phát triển công ty.
- Theo dõi thông tin về hoạt động nhân sự của phòng kế toán.
- Lập báo cáo và quyết toán định kỳ hàng tháng.
- Báo cáo thống kê tình hình tài chính một cách nhanh chóng và kịp thời.

+ **Kế toán tổng hợp: Bùi Thị Thu Hương**

- Có khả năng điều hành và giám sát công việc của các kế toán viên trong quá trình làm việc.
- Thu thập và xử lý thông tin, dữ liệu kế toán cũng như các chứng từ liên quan từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Giám sát và quản lý công nợ dựa trên các báo cáo từ bộ phận kế toán công nợ.

- Giám sát và tính toán chi phí sản xuất thực tế cho từng sản phẩm.
- Thực hiện các bút toán phân bổ và kết chuyển.

+ Thủ quỹ: Hà Thị Mỹ Duyên

- Thực hiện các giao dịch thu tiền mặt một cách chính xác, đảm bảo quỹ tiền mặt luôn an toàn, hạn chế tối đa việc lạm thu, lạm chi.
- Điều chỉnh các khoản thu và chi để đảm bảo sự cân đối, tránh tình trạng chi vượt quá thu.
- Theo dõi sát sao số dư quỹ tiền mặt, lập báo cáo về quỹ hàng ngày và định kỳ.
- Quản lý toàn bộ tiền mặt trong két sắt của công ty.
- Lưu trữ đầy đủ các chứng từ thu chi, kiểm kê và đối chiếu quỹ tiền mặt hàng ngày.
- Thực hiện hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến quỹ tiền mặt một cách chính xác và đầy đủ.

+ Kế toán công nợ - bán hàng: Trần Lê Như Ý

- Đảm nhiệm vai trò xuất hóa đơn cho khách hàng và lưu trữ các chứng từ có liên quan.
- Kiểm tra cẩn thận các chứng từ trước khi thực hiện các thủ tục thu và chi tiền.
- Lập phiếu thu và phiếu chi dựa trên biểu mẫu để làm cơ sở cho thủ quỹ thực hiện chi tiền.
- Đối chiếu với thủ quỹ về số dư quỹ tiền mặt cuối ngày.
- Thực hiện việc lập phiếu nộp ngân sách và giao dịch với ngân hàng.
- Tính toán công nợ phát sinh hàng tháng và lập giấy báo có thanh toán công nợ.
- Đối chiếu tình hình công nợ của công ty và khách hàng hàng với kế toán cơ sở hàng tháng và lập kế hoạch thanh toán công nợ của khách hàng.
- Đề xuất các biện pháp thu hồi công nợ hiệu quả và nhắc nhở khách hàng thanh toán công nợ.

+ Kế toán tiền lương: Nguyễn Thị Ngọc Ánh

- Theo dõi và cập nhật chính xác số lượng lao động, thời gian làm việc, và tính toán đúng số tiền lương phải trả cho nhân viên, bao gồm lương cơ bản, tiền phép năm, tiền thưởng, và các khoản khác.
- Dựa trên bảng chấm công và các tài liệu liên quan như giấy xin nghỉ phép và quy chế lương thưởng, thực hiện tính toán chính xác các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm

y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn, cũng như các khoản phụ cấp và trợ cấp theo quy định pháp luật và chính sách của doanh nghiệp.

- Đảm bảo thanh toán lương đúng hạn cho nhân viên, theo dõi việc sử dụng quỹ lương, cung cấp tài liệu cho các phòng ban chức năng và lập kế hoạch cho quỹ lương trong các kỳ tiếp theo.

- Xây dựng bảng lương để gửi đến cơ quan bảo hiểm.

- Hoàn thiện hồ sơ và chứng từ liên quan đến tiền lương để đảm bảo tính hợp lý khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ Kế toán thuế: Lê Thị Kim Liên

- Kiểm tra và đối chiếu hóa đơn GTGT với bảng kê thuế đầu vào và đầu ra.

- Đảm bảo nộp thuế đúng hạn nếu có các loại thuế phát sinh, để tránh bị phạt vì chậm trễ.

- Soạn thảo và nộp tờ khai thuế môn bài cho cơ quan thuế.

- Phối hợp với kế toán tổng hợp để đối chiếu số liệu báo cáo thuế của các cơ sở, đảm bảo sự chính xác giữa báo cáo với quyết toán.

- Lập báo cáo quyết toán thuế thu nhập cá nhân và thu nhập doanh nghiệp.

- Cập nhật các thông tin mới về luật thuế, soạn thông báo và cập nhật thông tin liên quan đến các quy định thuế ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

2.2.3. Đặc điểm và chính sách kế toán:

+ Đặc điểm:

- Niên độ kế toán: Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 mỗi năm.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VNĐ.

- Chế độ kế toán áp dụng theo quyết định: Công ty thực hiện chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.

- Hình thức kế toán: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

- Xử lý dữ liệu kế toán bằng: Công ty sử dụng phần mềm Excel và phần mềm kế toán Aibooks Bkav.

+ Chính sách kế toán:

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính giá hàng tồn kho: sử dụng phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: sử dụng phương pháp khấu hao đường thẳng.
- Phương pháp thuế GTGT: sử dụng phương pháp khấu trừ.
- Chính sách phải thu khách hàng: Công ty dựa trên hợp đồng căn cứ vào các điều khoản và thời gian thanh toán để theo dõi quản lý công nợ khách hàng.

2.3.Thực trạng công việc kế toán phải thu của khách hàng tại Công ty TNHH Xây Dựng – Môi Trường QH:

2.3.1.Yêu cầu của công việc

+ Mục đích công việc:

- Quản lý và giám sát công nợ phải thu của từng khách hàng giúp doanh nghiệp kịp thời ghi nhận và xử lý các vấn đề liên quan, từ đó tránh được những thiệt hại không đáng có, đồng thời bảo vệ sự phát triển của doanh nghiệp.
- Phản ánh chính xác tình hình tài chính của công ty, từ đó hỗ trợ phân tích và xây dựng các kế hoạch phát triển hợp lý, hạn chế tình trạng chiếm dụng vốn và đảm bảo ngân sách không bị thâm hụt quá mức.

+ Nhiệm vụ chính của kế toán phải thu của khách hàng:

- Ghi chép chính xác và chi tiết các khoản nợ phải thu của khách hàng theo đối tượng, thời hạn thanh toán và các khoản chiết khấu một cách kịp thời và chặt chẽ.
- Mở sổ chi tiết để theo dõi từng khoản nợ phải thu, thường xuyên nhắc nhở và thu hồi nợ quá hạn, nhằm tránh tình trạng bị chiếm dụng vốn.
- Theo dõi và ghi nhận kịp thời các biến động công nợ phải thu theo ngày, tháng, quý và năm, nhằm đảm bảo sự chính xác và cập nhật liên tục.

+ Kết quả của công việc:

- Giúp doanh nghiệp quản lý tốt các khoản nợ phải thu của khách hàng, từ đó cải thiện quy trình thu hồi nợ và tăng cường khả năng tài chính cho doanh nghiệp.
- Cung cấp cái nhìn chi tiết về tình hình tài chính, hỗ trợ phân tích sâu sắc các yếu tố ảnh hưởng và từ đó xây dựng các chiến lược phát triển bền vững.
- Phát hiện sớm các vấn đề liên quan đến quản lý công nợ phải thu, giúp giảm thiểu rủi ro tài chính và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

+ Các yêu cầu cho vị trí công việc:

- Trình độ: Tốt nghiệp Đại học hoặc Cao đẳng chuyên ngành Kế toán.

- Kinh nghiệm: Tối thiểu 01 năm trong lĩnh vực kế toán.

- Kỹ năng:

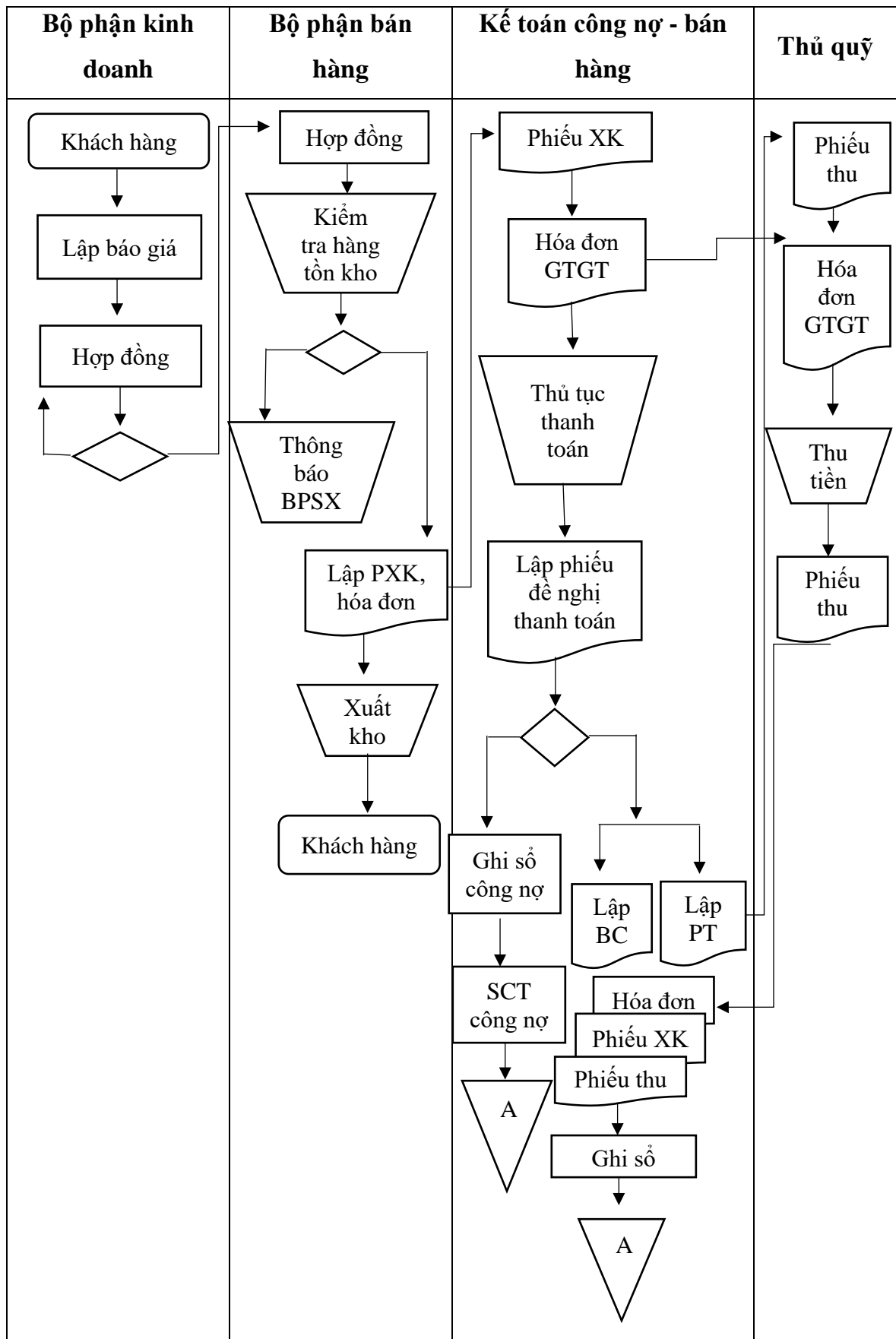
+ Có kiến thức chuyên môn;

+ Thành thạo các ứng dụng tin học văn phòng;

+ Trung thực, siêng năng, cẩn trọng và tỉ mỉ.

2.3.2. Trình tự tiến hành

+ **Lưu đồ quy trình công việc:**



Lưu đồ 2 1: Lưu đồ quy trình công việc tại Công ty TNHH Xây Dựng – Môi Trường QH

+ **Diễn giải:**

Bước 1: Xử lý báo giá và ký hợp đồng

Bộ phận kinh doanh sẽ gửi bảng báo giá cho khách hàng để xem xét về mặt hàng trước khi ký hợp đồng, nếu:

- Đồng ý: ký hợp đồng và tiến hành quá trình bán hàng cho khách.
- Không đồng ý: đôi bên cùng nhau thương lượng và thỏa thuận lại.

Bước 2: Xử lý đơn hàng và kiểm tra hàng tồn kho

Bộ phận bán hàng tiếp nhận đơn hàng qua hợp đồng sau đó kiểm tra lại lượng hàng tồn trong kho, nếu:

- Đủ yêu cầu: Lập phiếu xuất kho, hóa đơn cho khách hàng.
- Không đủ yêu cầu: thông báo cho bộ phận sản xuất.

Bước 3: Xử lý công nợ và thủ tục thanh toán

Kế toán công nợ dựa vào phiếu xuất kho và hóa đơn từ bộ phận bán hàng chuyển qua sẽ thực hiện thủ tục thanh toán và lập phiếu đề nghị thanh toán cho khách hàng, nếu:

- Thanh toán ngay: Lập phiếu thu hoặc lập báo có cho khách hàng.
- Chưa thanh toán: Ghi sổ công nợ và theo dõi sổ chi tiết công nợ của khách hàng.

Bước 4: Thu tiền và lập phiếu thu

Thủ quỹ dựa vào phiếu thu và hóa đơn để đối chiếu và tiến hành quá trình thu tiền, thủ quỹ lập phiếu thu.

Bước 5: Ghi sổ và lưu trữ dữ liệu

Căn cứ vào phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT, phiếu thu từ các bộ phận kế toán công nợ sẽ ghi sổ công nợ và lưu lại để theo dõi nợ của khách hàng.

2.3.3. Kết quả công việc

+ **Liên quan đến loại chứng từ kế toán:**

- Hợp đồng
- Bảng báo giá
- Hóa đơn thuế GTGT
- Phiếu đề nghị thanh toán
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu

- Giấy báo có

+ **Liên quan đến bút toán:**

Nghiệp vụ 1: Khách hàng thanh toán tiền bằng chuyển khoản

Căn cứ theo hóa đơn GTGT số 00000084, ký hiệu 1C23TQH ngày 17/08/2023 (Phụ lục 01). Ngày 18/08/2023 kế toán lập phiếu đề nghị thanh toán (Phụ lục 02) cho Bệnh viện Y Học Cổ Truyền về số tiền là 19.440.000 đồng đã bao gồm VAT 8% . Đến ngày 19/08/2023 thì nhận được giấy báo có (Phụ lục 03).

Hạch toán nghiệp vụ:

Nợ TK 1121: 19.440.000

Có TK 131 – YHCT: 19.440.000

Nghiệp vụ 2: Khách hàng thanh toán tiền bằng chuyển khoản

Căn cứ theo hóa đơn GTGT số 00000118, ký hiệu 1C23TQH ngày 09/11/2023 (Phụ lục 04). Ngày 10/11/2023 kế toán lập phiếu đề nghị thanh toán (Phụ lục 05) cho Công ty TNHH Một thành viên Lương thực Tân Hồng về số tiền là 5.140.800 đồng đã bao gồm VAT 8% . Đến ngày 11/11/2023 thì nhận được giấy báo có (Phụ lục 06).

Hạch toán nghiệp vụ:

Nợ TK 1121: 5.140.800

Có TK 131 – TH: 5.140.800

Nghiệp vụ 3: Khách hàng thanh toán tiền bằng chuyển khoản

Căn cứ theo hóa đơn GTGT số 00000041, ký hiệu 1C24TQH ngày 12/03/2024 (Phụ lục 07). Ngày 13/03/2024 kế toán lập phiếu đề nghị thanh toán (Phụ lục 08) cho Công ty TNHH Một thành viên Lương thực Tân Hồng về số tiền là 1.890.000 đồng đã bao gồm VAT 5% . Đến ngày 14/03/2024 thì nhận được giấy báo có (Phụ lục 09).

Hạch toán nghiệp vụ:

Nợ TK 1121: 1.890.000

Có TK 131 – TH: 1.890.000

Nghiệp vụ 4: Bán hàng chưa thu tiền

Căn cứ vào Hợp đồng số 2401/2024/HĐKT-QH-YHCT (Phụ lục 10). Ngày 19/03/2024 xuất hóa đơn GTGT số 00000044 (Phụ lục 11), Công ty TNHH Xây Dựng – Môi Trường QH bán 1 gói dịch vụ thay mới thân máy thổi khí của Hệ thống xử lý nước thải cho Bệnh viện Y học Cổ Truyền với đơn giá là 74.240.000 đồng. Trị giá

bán chưa thuế của gói dịch vụ này là 74.240.000 đồng, thuế GTGT 8% là 5.939.200 đồng, tổng giá trị bao gồm thuế là 80.179.200 đồng. Xuất phiếu xuất kho số P XK19032024 (Phụ lục 12), chưa thu tiền khách hàng.

Hạch toán nghiệp vụ:

Nợ TK 131 - YHCT: 80.179.200

Có TK 511: 74.240.000

Có TK 3331: 5.939.200

Nghiệp vụ 5: Người mua ứng tiền hàng trước

Căn cứ theo bảng báo giá (Phụ lục 13) ngày 24/03/2024, Công ty TNHH Một thành viên Lương thực Tân Hồng đã ứng trước 1.382.400 đồng (tương ứng với 40% giá trị sản phẩm bao gồm VAT) bằng chuyển khoản và kế toán ghi nhận bút toán.

Hạch toán nghiệp vụ:

Kế toán ghi nhận khoản ứng trước là 40% giá trị sản phẩm:

Nợ TK 1121: 1.382.400

Có TK 131 - TH: 1.382.400

Ngày 27/03/2024, khi giao hàng cho Công ty TNHH Một thành viên Lương thực Tân Hồng, kế toán xuất hóa đơn GTGT số 00000047 (Phụ lục 14), giá đã bao gồm thuế GTGT 8%.

Kế toán phản ánh doanh thu:

Nợ TK 131 - TH: 3.456.000

Có TK 511: 3.200.000

Có TK 3331: 256.000

Số tiền mà khách hàng phải thanh toán ngày 27/03/2024 là 60% giá trị sản phẩm còn lại:

Nợ TK 1121: 2.073.600

Có TK 131 - TH: 2.073.600

+ Liên quan đến sổ kế toán:

- Nhật ký chung (Phụ lục 15)
- Sổ chi tiết công nợ của khách hàng (Phụ lục 16 và 17)
- Sổ cái tài khoản 131 (Phụ lục 18)
- Sổ cái tài khoản 1121 (Phụ lục 19)

- Sổ cái tài khoản 511 (Phụ lục 20)
- Sổ cái tài khoản 3331 (Phụ lục 21)
- Sổ tổng hợp công nợ phải thu (Phụ lục 22)

+ Liên quan đến loại báo cáo kế toán, báo cáo thuế:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo công nợ
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

+ Hình thức của các chứng từ, sổ kế toán của doanh nghiệp có liên quan đến công việc:

- Công ty thực hiện chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.
- Công ty đang sử dụng hình thức ghi sổ kế toán là Nhật ký chung.

+ Liên quan đến công việc kế toán khác:

- Thủ quỹ
- Kế toán bán hàng
- Kế toán kho

+ Cách lưu trữ hồ sơ kế toán:

- Lưu trữ trên phần mềm kế toán Aibooks Bkav.
 - Lưu trữ trên phần mềm Excel:
- + Mở ứng dụng excel và tạo bảng để theo dõi và quản lý công nợ phải thu của khách hàng.
- + Nội dung của bảng đã bao gồm các thông tin cơ bản như: Mã khách hàng, tên khách hàng, ngày phát sinh, số tiền còn phải thu từ khách hàng,...
- + Thiết lập nhắc nhở thanh toán khi khoản nợ của khách hàng đã đến hạn hoặc quá hạn (dữ liệu sẽ tự động đổ để kịp thời thu hồi khoản nợ và tìm cách xử lý).
- + Kiểm tra định kỳ và sao lưu cẩn thận để đảm bảo an toàn dữ liệu. Thiết lập mật khẩu bảo vệ file để bảo mật thông tin.
- Kẹp riêng chứng từ (hợp đồng, báo giá, giấy báo nợ, giấy báo có, phiếu thu (nếu có)) của mỗi tháng vào bìa hồ sơ.

2.3.4. Kiểm tra kết quả công việc

+ **Ai là người kiểm tra:** Kế toán trưởng, Giám đốc công ty.

+ **Định kỳ kiểm tra:** Vào cuối mỗi tháng.

+ **Cách thức kiểm tra:**

- Định kỳ kế toán tổng hợp cùng với các kế toán ở bộ phận khác đối chiếu, kiểm tra lại số dư trên sổ chi tiết và sổ cái
- Cuối tháng kế toán trưởng so sánh đối chiếu sổ nhật ký chung với các sổ cái tài khoản để kiểm tra đã ghi chính xác chưa hay có thiếu sót gì không. Sau đó, khi các số liệu của các sổ và chứng từ trùng khớp tiến hành đưa lên Báo cáo tài chính.

CHƯƠNG 3

NHẬN XÉT VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG – MÔI TRƯỜNG QH

3.1. Sự cần thiết và yêu cầu hoàn thiện về công tác kế toán phải thu của khách hàng tại Công ty TNHH Xây dựng – Môi trường QH:

3.1.1. Sự cần thiết

Đối với mỗi doanh nghiệp, kế toán công nợ phải thu rất quan trọng nó quyết định rất nhiều đến lợi ích của doanh nghiệp. Nếu kế toán công nợ phải thu quản lý không tốt các khoản nợ có thể dẫn đến bất lợi về tình hình tài chính của công ty, ngược lại sẽ tránh được những thiệt hại không đáng có ảnh hưởng đến sự phát triển của công ty. Việc theo dõi và kiểm soát các khoản nợ phải thu giúp công ty kịp thời xử lý, giảm thiểu rủi ro về mất vốn, đảm bảo sự ổn định tài chính và quản lý hiệu quả dòng tiền. Vì vậy, kế toán công nợ phải thu là một phần hành không thể thiếu trong mỗi công ty.

3.1.2. Yêu cầu hoàn thiện

Để hoàn thiện, yêu cầu kế toán công nợ phải thu cần phải:

- Kiểm tra các điều khoản và hình thức thanh toán trong hợp đồng, chính sách phạt quá hạn, phương án xử lý các vấn đề phát sinh.
- Theo dõi chi tiết công nợ phải thu của từng khách hàng và đôn đốc khách hàng thanh toán khoản nợ.
- Hằng tháng đối chiếu với kế toán cơ sở về tình hình công nợ phải thu của khách hàng.
- Hợp tác, phối hợp với các phòng ban để đưa ra các chiến lược thu hồi khoản nợ đúng hạn.
- Lập báo cáo tổng hợp công nợ phải thu trình lên giám đốc theo định kỳ để nắm bắt tình hình và tìm phương án thu hồi các khoản nợ xấu, khó đòi.

3.2. Giải pháp:

3.2.1. Giải pháp về tổ chức bộ máy kế toán

- Vì kế toán công nợ phải đảm nhiệm cả việc xuất hóa đơn, bán hàng và thu tiền, khối lượng công việc trở nên quá tải. Do đó, công ty nên xem xét việc tuyển dụng thêm

nhân sự để đảm bảo tiến độ và hiệu quả công việc. Đồng thời, việc này không chỉ giúp giảm bớt áp lực cho nhân viên mà còn nâng cao chất lượng công việc và duy trì môi trường làm việc tích cực.

- Công ty cần lưu trữ các chứng từ, sổ sách một cách hợp lý và khoa học hơn. Đồng thời, cần đảm bảo việc mã hóa và bảo mật dữ liệu cho các chứng từ điện tử để đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin.

- Tổ chức họp định kỳ để thảo luận về tiến độ công việc, giải quyết các vấn đề và đề xuất giải pháp.

3.2.2. Giải pháp về công tác kế toán phải thu của khách hàng tại Công ty TNHH Xây dựng – Môi trường QH

- Doanh nghiệp cần bổ sung biên bản đối chiếu công nợ để kiểm soát, theo dõi tình hình thanh toán công nợ phải thu giữa công ty và khách hàng, nhằm đảm bảo tính chính xác của các số liệu xem có trùng khớp chưa, để thực hiện việc nhắc nhở và thu hồi các khoản nợ.

- Công ty nên bổ sung thêm các báo cáo tổng hợp chi tiết về tình hình công nợ phải thu bao gồm: tuổi nợ, tổng số tiền nợ và các khoản nợ khó đòi,...

- Công ty nên trích lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi để giảm thiểu thiệt hại trong trường hợp các khoản nợ này không thể thu hồi.

- Lên kế hoạch thu hồi công nợ phải thu, đánh giá và đề xuất phương án xử lý phù hợp với các khoản nợ quá hạn hoặc khó đòi.

- Chủ động phối hợp với các phòng ban để đảm bảo việc thu hồi nợ được thực hiện đúng hạn và theo thỏa thuận.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh kinh tế biến động không ngừng, việc xây dựng và duy trì thương hiệu trở thành yếu tố then chốt quyết định sự thành công của công ty. Quản lý kế toán các khoản phải thu của khách hàng đóng góp quan trọng vào sự thành công này khi nó không chỉ giúp duy trì mối quan hệ kinh doanh hiện tại mà còn mở rộng cơ hội với các đối tác mới. Vì vậy, kế toán phải thu của khách hàng là một bộ phận không thể thiếu trong mỗi doanh nghiệp, đảm bảo việc hạch toán đầy đủ, kịp thời và chính xác các công nợ phát sinh. Nhờ đó, doanh nghiệp có thể thực hiện các chính sách thu hồi nợ hiệu quả, đảm bảo các khoản công nợ được thanh toán đầy đủ, góp phần duy trì và phát triển mối quan hệ kinh doanh, nâng cao hiệu quả quản lý tài chính cho công ty.

Sau quá trình thực tập tại Công ty TNHH Xây Dựng – Môi Trường QH, em nhận thấy vai trò quan trọng của kế toán trong mỗi doanh nghiệp. Thời gian thực tập đã giúp em nâng cao sự tập trung, cẩn thận và chủ động, đồng thời cải thiện trình độ của mình. Bên cạnh đó, em cũng học được nhiều điều từ cách ứng xử cũng như cách quản lý và sắp xếp thời gian cho phù hợp với công việc. Với những kỹ năng này sẽ là nền tảng vững chắc giúp em có thể phát triển sự nghiệp trong tương lai. Em tin rằng những kiến thức và kỹ năng tích lũy trong thời gian thực tập sẽ là hành trang quý báu cho con đường sự nghiệp phía trước.

Đây là một vấn đề tổng quát yêu cầu nhiều kinh nghiệm thực tiễn. Tuy nhiên, do trình độ và kiến thức của em còn hạn chế, nên bài báo cáo không thể tránh khỏi một số thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý từ Thầy và cô để bài được hoàn thiện hơn. Em xin chân thành cảm ơn đến Thầy Vương Sỹ Giao và các anh, chị tại Công ty đã nhiệt tình hướng dẫn và hỗ trợ em trong suốt quá trình thực hiện bài báo cáo.

PHỤ LỤC

Thứ tự	Phụ lục	Nghiệp vụ	Trang
Phụ lục 01	Hóa đơn GTGT số 00000084 của Công ty TNHH Xây dựng – Môi trường QH	Nghiệp vụ 1	27
Phụ lục 02	Phiếu đề nghị thanh toán	Nghiệp vụ 1	28
Phụ lục 03	Giấy báo có	Nghiệp vụ 1	29
Phụ lục 04	Hóa đơn GTGT số 00000118 của Công ty TNHH Xây dựng – Môi trường QH	Nghiệp vụ 2	30
Phụ lục 05	Phiếu đề nghị thanh toán	Nghiệp vụ 2	31
Phụ lục 06	Giấy báo có	Nghiệp vụ 2	32
Phụ lục 07	Hóa đơn GTGT số 00000041 của Công ty TNHH Xây dựng – Môi trường QH	Nghiệp vụ 3	33
Phụ lục 08	Phiếu đề nghị thanh toán	Nghiệp vụ 3	34
Phụ lục 09	Giấy báo có	Nghiệp vụ 3	35
Phụ lục 10	Hợp đồng của Công ty TNHH Xây dựng – Môi trường QH	Nghiệp vụ 4	36
Phụ lục 11	Hóa đơn GTGT số 00000044 của Công ty TNHH Xây dựng – Môi trường QH	Nghiệp vụ 4	41
Phụ lục 12	Phiếu xuất kho	Nghiệp vụ 4	42
Phụ lục 13	Bảng báo giá của Công ty TNHH Xây dựng – Môi trường QH	Nghiệp vụ 5	43
Phụ lục 14	Hóa đơn GTGT số 00000047 của Công ty TNHH Xây dựng – Môi trường QH	Nghiệp vụ 5	44
Phụ lục 15	Sổ nhật ký chung	Nghiệp vụ 3, 4, 5	45
Phụ lục 16	Sổ chi tiết công nợ với	Nghiệp vụ 3, 5	45

	Công ty TNHH Một thành viên Lương thực Tân Hồng		
Phụ lục 17	Sổ chi tiết công nợ với Bệnh viện Y học Cổ Truyền	Nghiệp vụ 4	46
Phụ lục 18	Sổ cái tài khoản 131 – Phải thu của khách hàng	Nghiệp vụ 3, 4, 5	46
Phụ lục 19	Sổ cái tài khoản 1121 – Tiền gửi ngân hàng	Nghiệp vụ 3, 5	47
Phụ lục 20	Sổ cái tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Nghiệp vụ 4, 5	47
Phụ lục 21	Sổ cái tài khoản 3331 – Thuế GTGT đầu ra	Nghiệp vụ 4, 5	48
Phụ lục 22	Sổ tổng hợp công nợ phải thu theo khách hàng		48
Phụ lục 23	Bảng cân đối kế toán của Công ty TNHH Xây dựng – Môi trường QH năm 2023		49
Phụ lục 24	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Xây dựng – Môi trường QH năm 2023		53
Phụ lục 25	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty TNHH Xây dựng – Môi trường QH năm 2023		55

Phụ lục 01: Hóa đơn GTGT số 00000084 của
Công ty TNHH Xây dựng – Môi trường QH

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	SL (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	Chi phí thay mới bơm chìm của hệ thống xử lý nước thải theo Hợp đồng số 1408/2023/HĐDV-QH ngày 14 tháng 08 năm 2023	Lần	1	18.000.000	18.000.000
Cộng tiền hàng (Sub total):					18.000.000
Thuế suất GTGT (Tax rate): 8%			Cộng tiền thuế GTGT (VAT amount):		1.440.000
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					19.440.000
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Mười chín triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn./.					

Mã của Cơ quan thuế: 0026C1244293C842A08D887EC277FEF5D9

Đơn vị bán (Seller): **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH**
MST (Tax Code): 0313042939
Địa chỉ (Address): 345/72 Hà Huy Giáp, Khu Phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại (Tel.): 02866854539
STK (Account No.): 629686868 - Ngân Hàng ACB - Chi nhánh Nguyễn Văn Trỗi - Quận Phú Nhuận TP. HCM

Người mua (Buyer):
Đơn vị (Co. name): **Bệnh Viện Y Học Cổ Truyền**
MST (Tax Code): 0301465249
Địa chỉ (Address): 179-187 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
HTTT (Pay. method): **Chuyển khoản**
STK (Account No.):

Mã số - Ký hiệu (Serial No.): 1C23TQH
Số (Invoice No.): 00000084

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)
Ngày (day) 17 tháng (month) 08 năm (year) 2023

Người mua hàng (Buyer)
Người bán hàng (Seller)
Đã được ký điện tử bởi (Signed digitally by)
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH
Ngày: 17/08/2023

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Giải pháp Hóa đơn Điện tử được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Bkav - MST 0101360697 - ĐT 1900 545414 - <http://ehoaddon.vn>

Phụ lục 03: Giấy báo có



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG-MÔI TRƯỜNG QH

345/72 Hà Huy Giáp, Khu Phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

GIẤY BÁO CÓ

Người nộp tiền: BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN Địa chỉ: 179-187 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Lý do: Thu tiền chi phí thay mới bơm chìm của hệ thống xử lý nước thải.		Số: BC190823 Ngày: 19/08/2023 Tài khoản: 1121		
Số tài khoản đơn vị hưởng thụ: 629686868 Tại ngân hàng: Ngân hàng ACB – CN Nguyễn Văn Trỗi, Tp. HCM Số tiền: 19.440.000 Số tiền bằng chữ: Mười chín triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng.		Loại tiền: VNĐ		
Diễn giải	Số tiền nguyên tệ (VNĐ)	Số tiền (VNĐ)	Ghi nợ	Ghi có
Thu tiền chi phí thay mới bơm chìm của hệ thống xử lý nước thải	19.440.000	19.440.000	1121	131

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)


Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

**Phụ lục 0 4: Hóa đơn GTGT số 00000118 của
Công ty TNHH Xây dựng – Môi trường QH**

	HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)	Mẫu số - Ký hiệu (Serial No.): 1C23TQH Số (Invoice No.): 00000118			
Ngày (day) 09 tháng (month) 11 năm (year) 2023					
Mã của Cơ quan thuế: 004632D0628BD04064A72B76A370CDBF39					
Đơn vị bán (Seller):	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH				
MST (Tax Code):	0313042939				
Địa chỉ (Address):	345/72 Hà Huy Giáp, Khu Phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				
Điện thoại (Tel.):	02866854539				
STK (Account No.):	629686868 - Ngân Hàng ACB - Chi Nhánh Nguyễn Văn Trỗi - Quận Phú Nhuận TP. HCM				
Người mua (Buyer):					
Đơn vị (Co. name):	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC TÂN HỒNG				
MST (Tax Code):	1401605043				
Địa chỉ (Address):	Áp Rọc Muồng, Xã Tân Công Chí, Huyện Tân Hồng, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam				
HTTT (Pay. method):	Chuyển khoản				
STK (Account No.):					
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	SL (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Đĩa phân phối khí	Cái	8	370.000	2.960.000
2	Van an toàn	Cái	1	1.800.000	1.800.000
Cộng tiền hàng (Sub total):					4.760.000
Thuế suất GTGT (Tax rate): 8%		Cộng tiền thuế GTGT (VAT amount):			380.800
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					5.140.800
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Năm triệu một trăm bốn mươi nghìn tám trăm đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Buyer)			Người bán hàng (Seller)		
			Đã được ký điện tử bởi (Signed digitally by) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH Ngày: 09/11/2023		
<small>(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</small>					

Phụ lục 05: Phiếu đề nghị thanh toán

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 1011/23/ĐNTT-QH **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
---o0o---

Tp.HCM, ngày 10 tháng 11 năm 2023

ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Kính gửi: Công ty TNHH Một thành viên Lương thực Tân Hồng

Căn cứ: Hóa đơn số 00000118 ngày 09 tháng 11 năm 2023 giữa Công ty TNHH Một thành viên Lương thực Tân Hồng và Công Ty TNHH Xây Dựng – Môi Trường QH.

Hôm nay, Công ty chúng tôi làm giấy này đề nghị Quý công ty thanh toán đầy đủ số tiền theo quy định trong hóa đơn, cụ thể:

Giá trị thanh toán: **5.140.800 VNĐ**

(*Bằng chữ:* Năm triệu một trăm bốn mươi nghìn tám trăm đồng), đã bao gồm VAT 8%.

Hình thức thanh toán: Phí này thanh toán bằng chuyển khoản

✚ Thông tin chuyển khoản:

- ✓ Tên tài khoản: Công ty TNHH Xây Dựng – Môi Trường QH
- ✓ Số Tài khoản: 629686868 tại Ngân hàng ACB – CN Nguyễn Văn Trỗi, Tp.HCM.

Chân thành cảm ơn Quý Công ty!

Trân trọng kính chào!

GIÁM ĐỐC


Giám Đốc
Huyền Như Quý

Phụ lục 06: Giấy báo có



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG-MÔI TRƯỜNG QH

345/72 Hà Huy Giáp, Khu Phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

GIẤY BÁO CÓ

Người nộp tiền: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC TÂN HỒNG		Số: BC111123		
Địa chỉ: Ấp Rọc Muồng, Xã Tân Công Chí, Huyện Tân Hồng, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam		Ngày: 11/11/2023		
Lý do: Thu tiền địa phân phối khí và van an toàn.		Tài khoản: 1121		
Số tài khoản đơn vị lương thụ: 629686868				
Tại ngân hàng: Ngân hàng ACB – CN Nguyễn Văn Trỗi, Tp. HCM				
Số tiền: 5.140.800		Loại tiền: VNĐ		
Số tiền bằng chữ: Năm triệu một trăm bốn mươi nghìn tám trăm đồng.				
Diễn giải	Số tiền nguyên tệ (VNĐ)	Số tiền (VNĐ)	Ghi nợ	Ghi có
Thu tiền địa phân phối khí và van an toàn	5.140.800	5.140.800	1121	131

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
---	---------------------------------------	--	---------------------------------------	--------------------------------

Phụ lục 0 8: Phiếu đề nghị thanh toán

**CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG – MÔI TRƯỜNG QH**
Số: 1303/24/ĐNTT-QH
---o0o---

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
---o0o---

Tp.HCM, ngày 13 tháng 03 năm 2024

ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Kính gửi: Công ty TNHH Một thành viên Lương thực Tân Hồng

Căn cứ: Hóa đơn số 00000041 ngày 12 tháng 03 năm 2024 giữa Công ty TNHH Một thành viên Lương thực Tân Hồng và Công Ty TNHH Xây Dựng – Môi Trường QH.

Hôm nay, Công ty chúng tôi làm giấy này đề nghị Quý công ty thanh toán đầy đủ số tiền theo quy định trong hóa đơn, cụ thể:

Giá trị thanh toán: **1.890.000 VNĐ**

(*Bằng chữ:* Một triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng), đã bao gồm VAT 5%.

Hình thức thanh toán: Phí này thanh toán bằng chuyển khoản

✚ Thông tin chuyển khoản:

- ✓ Tên tài khoản: Công ty TNHH Xây Dựng – Môi Trường QH
- ✓ Số Tài khoản: 629686868 tại Ngân hàng ACB – CN Nguyễn Văn Trỗi, Tp.HCM.

Chân thành cảm ơn Quý Công ty!

Trân trọng kính chào!

GIÁM ĐỐC



Phụ lục 09: Giấy báo có



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG-MÔI TRƯỜNG QH

345/72 Hà Huy Giáp, Khu Phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

GIẤY BÁO CÓ

Người nộp tiền: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC TÂN HỒNG		Số: BC140324		
Địa chỉ: Ấp Rọc Muồng, Xã Tân Công Chí, Huyện Tân Hồng, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam		Ngày: 14/03/2024		
Lý do: Thu tiền mật ri.		Tài khoản: 1121		
Số tài khoản đơn vị hưởng thụ: 629686868				
Tại ngân hàng: Ngân hàng ACB – CN Nguyễn Văn Trỗi, Tp. HCM				
Số tiền: 1.890.000		Loại tiền: VNĐ		
Số tiền bằng chữ: Một triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng.				
Diễn giải	Số tiền nguyên tệ (VNĐ)	Số tiền (VNĐ)	Ghi nợ	Ghi có
Thu tiền mật ri.	1.890.000	1.890.000	1121	131

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nộp tiền	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Phụ lục 10: Hợp đồng của Công ty TNHH Xây dựng – Môi trường QH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 2401/2024/HĐKT-QH-YHCT

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 năm 2005;

Căn cứ Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày 23 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 31/QĐ-YHCT ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Thay mới thân máy thổi khí của Hệ thống xử lý nước thải 350 m³/ngày đêm”;

Căn cứ Thông báo số 143/TB-YHCT ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Bệnh viện Y học cổ truyền về kết quả chỉ định thầu rút gọn gói thầu: “Thay mới thân máy thổi khí của Hệ thống xử lý nước thải 350 m³/ngày đêm”;

Căn cứ nhu cầu sử dụng và cung cấp của hai bên,

Hôm nay, ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại Bệnh viện Y học cổ truyền, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

1. Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A): BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN

- Địa chỉ: 179 - 187 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại: 39.326.004.

Fax: 39.320.482.

- Tài khoản: 3713.0.105314700000 tại Kho bạc Nhà Nước Quận 3,

hoặc 3714.0.105314700000 tại Kho bạc Nhà Nước Quận 3.

- Mã số thuế: 0301465249

- Đại diện: Ông Đỗ Tân Khoa

Chức vụ: Giám đốc

2. Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B): CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG – MÔI TRƯỜNG QH

- Địa chỉ: 345/72 Hà Huy Giáp, KP3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Số điện thoại: 028 66854539

- Mã số thuế: 0313042939

- Số tài khoản: 629686868 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh Nguyễn Văn Trỗi, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

- Đại diện là ông: Huỳnh Nhơn Quý

Chức vụ: Giám đốc

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện gói thầu “Thay mới thân máy thổi khí của Hệ thống



xử lý nước thải 350 m³/ngày đêm” theo các nội dung sau:

STT	Thiết bị	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thân máy thổi khí của Hệ thống xử lý nước thải 350 m ³ /ngày đêm	Tohin, HC-100S, Xuất xứ: Nhật	Hệ	01	74.240.000	74.240.000
TỔNG CHƯA VAT						74.240.000
VAT 8%						5.939.200
TỔNG CỘNG						80.179.200

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Hợp đồng kinh tế;
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
4. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của các bên

❖ Trách nhiệm của bên A:

- Bàn giao mặt bằng và tạo các điều kiện cần thiết khác cho Bên B thực hiện công việc đúng thời hạn.
- Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên B trong lắp đặt thiết bị cho hệ thống xử lý nước thải.
- Phối hợp theo dõi, nghiệm thu sản phẩm trước khi thanh toán các hạng mục theo hợp đồng.
- Giải quyết kịp thời giữa các bên có liên quan và phối hợp với Bên B để đảm bảo việc bảo hành, bảo trì đồng bộ hoàn thành đúng kế hoạch.
- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn mọi khoản thanh toán cũng như các chi phí phát sinh khác không thuộc nội dung được quy định trong Hợp đồng.

❖ Trách nhiệm của bên B

- Lắp đặt thiết bị theo đúng kết quả thầu; bảo hành, bảo trì theo tiêu chuẩn nhà sản xuất.
- Cung cấp nhân lực đầy đủ, có chuyên môn và trang thiết bị cần thiết để đáp ứng yêu cầu công việc.
- Thông báo kịp thời với Bên A những phát sinh, hư hỏng, trở ngại để cùng bàn bạc, giải quyết.
- Thực hiện đúng quy trình bảo trì, bảo dưỡng và vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng định kỳ và chịu trách nhiệm về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy, an ninh trật tự trong suốt quá trình vận hành thiết bị.

- Không được phép giao lại toàn bộ hoặc một phần công việc theo Hợp đồng này cho bên thứ ba khi chưa được Bên A đồng ý. Bên B vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm đối với công việc do bên thứ ba thực hiện trong trường hợp Bên A đồng ý cho Bên B giao lại toàn bộ hoặc một phần công việc cho bên thứ ba.

Điều 4. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

4.1. Giá trị hợp đồng: **80.179.200 đồng** (Số tiền bằng chữ: Tám mươi triệu một trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm đồng), bao gồm thuế VAT và chi phí khác.

4.2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: chuyển khoản.

b) Thời hạn thanh toán: Sau khi Bên A nhận đầy đủ các chứng từ:

- Bên B chuyển cho Bên A hóa đơn tài chính theo quy định của Nhà nước do Bộ Tài chính ban hành;

- Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng được hai bên ký.

c) Số lần thanh toán: 01 lần, thanh toán 100% giá trị của hợp đồng sau khi bên B hoàn thành khối lượng được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này

Điều 5. Loại hợp đồng: Trọn gói.

Điều 6. Thời gian thực hiện hợp đồng:

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Điều 7. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

7.1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Thay đổi phương thức vận chuyển;

- Thay đổi địa điểm giao hàng;

- Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;

- Các nội dung khác có liên quan.

7.2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

8.1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

8.2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho

việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

8.3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 9. Trường hợp bất khả kháng

9.1. Không bên nào sẽ chịu trách nhiệm cho bất kỳ sự chậm trễ hay vi phạm nào trong việc thực hiện bất kỳ phần nào của bản Hợp đồng này trong trường hợp những chậm trễ hay vi phạm đó bị gây ra bởi: cháy nổ, bão, lụt, chiến tranh, cấm vận, yêu cầu của chính phủ, quân đội, thiên tai, hay các nguyên nhân khác trong tự vượt khỏi tầm kiểm soát của mỗi bên và không có lỗi hay câu trả của bên chậm trễ hay vi phạm.

9.2. Bên chịu ảnh hưởng sẽ thông báo cho bên kia bằng văn bản trong 10 ngày sau khi có sự bắt đầu của bất kỳ nguyên nhân nào kể trên sẽ tác động lên việc thực hiện. Nếu bên chịu ảnh hưởng không thực hiện nghĩa vụ thông báo trên thì sẽ không được miễn bất kỳ trách nhiệm nào do sự kiện bất khả kháng gây ra.

9.3. Nếu việc thực thi hợp đồng của một bên bị chậm trễ trong thời hạn quá 30 ngày từ ngày bên kia nhận được thông báo theo điều khoản này, bên không bị ảnh hưởng có quyền chấm dứt bản hợp đồng này và không có bất kỳ trách nhiệm nào với bên kia.

Điều 10. Giải quyết tranh chấp

10.1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

10.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế đưa việc tranh chấp ra Tòa án kinh tế xem xét và quyết định.

Điều 11. Điều khoản khác

11.1. Các Phụ lục đính kèm (nếu có) của Hợp đồng này được coi là một phần không tách rời của hợp đồng này. Nếu có sự mâu thuẫn giữa các điều khoản của phụ lục và hợp đồng này thì hợp đồng này sẽ được ưu tiên áp dụng, trừ trường hợp được nói rõ trong phụ lục.

11.2. Các bên không được chuyển nhượng bất kỳ quyền và nghĩa vụ nào quy định trong hợp đồng này cho bên thứ 3 trừ khi được sự chấp nhận bằng văn bản của bên kia.

11.3. Nếu bất cứ điều khoản nào hoặc phần nào của hợp đồng này bị kết luận là vô hiệu vì bất cứ lý do gì, việc vô hiệu này sẽ không ảnh hưởng đến hiệu lực và tính thực thi của các điều khoản khác trong hợp đồng.

11.4. Hợp đồng này bao gồm toàn bộ các thỏa thuận giữa các bên. Kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực, các thỏa thuận giữa các bên sẽ bị hủy bỏ và được thay thế bằng các quy định trong hợp đồng này.

11.5. Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng này phải được lập thành văn bản có chữ ký của các bên.

Điều 14. Hiệu lực hợp đồng

14.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

14.2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định và thực hiện đầy đủ các điều khoản trong hợp đồng này.

Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bộ, chủ đầu tư giữ 02 (hai) bộ, nhà thầu giữ 02 (hai) bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC

Huỳnh Nhơn Quý


ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

Đỗ Tân Khoa





Phụ lục 11: Hóa đơn GTGT số 00000044 của
Công ty TNHH Xây dựng – Môi trường QH

	HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)	Mẫu số - Ký hiệu (Serial No.): 1C24TQH Số (Invoice No.): 00000044			
Ngày (day) 19 tháng (month) 03 năm (year) 2024					
Mã của Cơ quan thuế: 00AA06C591AC6B46529A1AA1C48ADC4DF8					
Đơn vị bán (Seller): CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH					
MST (Tax Code): 0313042939					
Địa chỉ (Address): 345/72 Hà Huy Giáp, Khu Phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam					
Điện thoại (Tel.): 02866854539					
STK (Account No.): 629686868 - Ngân Hàng ACB - Chi nhánh Nguyễn Văn Trỗi - Quận Phú Nhuận TP. HCM					
Người mua (Buyer):					
Đơn vị (Co. name): Bệnh Viện Y Học Cổ Truyền					
MST (Tax Code): 0301465249					
Địa chỉ (Address): 179-187 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam					
HTTT (Pay. method): Chuyển khoản					
STK (Account No.):					
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	SL (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	Chi phí thay mới thân máy thổi khí của Hệ thống xử lý nước thải 350 m3/ngày đêm theo hợp đồng số 2401/2024/HDKT-QH-YHCT ngày 24 tháng 01 năm 2024	Gói	1	74.240.000	74.240.000
Cộng tiền hàng (Sub total):					74.240.000
Thuế suất GTGT (Tax rate): 8%		Cộng tiền thuế GTGT (VAT amount):			5.939.200
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					80.179.200
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Tám mươi triệu một trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Buyer)			Người bán hàng (Seller)		
			Đã được ký điện tử bởi (Signed digitally by) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH Ngày: 19/03/2024		
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					
Giải pháp Hóa đơn Điện tử được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Bkav - MST 0101360697 - ĐT 1900 545414 - http://ehoadon.vn Hóa đơn Điện tử (HĐĐT) được tra cứu trực tuyến tại http://tracuu.ehoadon.vn . Mã tra cứu HĐĐT này: M95EJQ9GASD					

Phụ lục 12: Phiếu xuất kho

**Đơn vị: Công ty TNHH
Xây dựng – Môi trường QH
Bộ phận: Kế toán kho**

Mẫu số 02 - VT

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 19 tháng 03 năm 2024
Số: P XK19032024

Nợ TK: 632
Có TK: 156

- Họ và tên người nhận hàng: Bệnh Viện Y Học Cổ Truyền
- Địa chỉ (bộ phận): 179-187 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Theo hóa đơn số: 00000044 ngày 19 tháng 03 năm 2024
- Xuất tại kho: 345/72 Hà Huy Giáp, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Chi phí thay mới thân máy thổi khí của Hệ thống xử lý nước thải 350 m ³ /ngày đêm theo hợp đồng số 2401/2024/HĐKT-QH-YHCT ngày 24 tháng 01 năm 2024		Gói	1	1	65.300.000	65.300.000
	Cộng						65.300.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Sáu mươi lăm triệu ba trăm nghìn đồng.

Ngày 19 tháng 03 năm 2024

Người lập hàng
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Phụ lục 13: Bảng báo giá của Công ty TNHH Xây dựng – Môi trường QH



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH

VPDD : 345/72 Hà Huy Giáp, KP3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Tp.HCM.
MST : 0313042939 DT : 0286.6854539 – 0934.893.855
Email : xaydungmoitruongqh@gmail.com; Web: xulumoitruong.org; nhadepgiare.vn

TP. HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2024

BẢNG BÁO GIÁ

SẢN PHẨM : Bơm định lượng

ĐỊA ĐIỂM : Ấp Rọc Muồng, Xã Tân Công Chí, Huyện Tân Hồng, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC TÂN HỒNG

Trên tinh thần hợp tác, tương trợ và cùng phát triển, Công ty chúng tôi xin gửi đến Công ty bảng báo giá "Bơm định lượng", chi phí như sau:

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VND)	THÀNH TIỀN (VND)
1	Bơm định lượng	Lần	1	3,200,000	3,200,000
	TỔNG CHƯA VAT				3,200,000
	VAT 8%				256,000
	TỔNG SAU VAT				3,456,000

Ghi chú

- Đơn giá trên đã bao gồm VAT 8%
- Phương thức thanh toán: thanh toán trước 40% giá trị tương ứng với báo giá trên kể từ ngày xác nhận mua hàng, thanh toán giá trị còn lại tương ứng 60% sau khi nhận được hàng.
- Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.
Thông tin chuyển khoản: 629686868, Công ty TNHH Xây Dựng – Môi Trường QH, Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu, Chi nhánh Nguyễn Văn Trỗi, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH



**Phụ lục 14: Hóa đơn GTGT số 00000047 của
Công ty TNHH Xây dựng – Môi trường QH**

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	SL (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Cung cấp bơm định lượng	Lần	1	3.200.000	3.200.000
Cộng tiền hàng (Sub total):					3.200.000
Thuế suất GTGT (Tax rate): 8%		Cộng tiền thuế GTGT (VAT amount):			256.000
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					3.456.000
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Ba triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Buyer)			Người bán hàng (Seller)		
			Đã được ký điện tử bởi (Signed digitally by) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH Ngày: 27/03/2024		
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					
Giải pháp Hóa đơn Điện tử được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Bkav - MST 0101360697 - ĐT 1900 545414 - http://ehoadon.vn Hóa đơn Điện tử (HĐĐT) được tra cứu trực tuyến tại http://tracuu.ehoadon.vn . Mã tra cứu HĐĐT này: P98OL33EA5A					

Phụ lục 15: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH Địa chỉ: 345/72 Hà Huy Giáp, Khu Phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam							Mẫu số S03a-DN (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)			
SỐ NHẬT KÝ CHUNG Tháng 03 Năm 2024										
							Đơn vị tính: Đồng			
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	STT đồng	Số hiệu TK đối ứng		Số phát sinh		
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ	Có	1	2	
A	B	C	D	E	G	H	I	J	K	
Số trang trước chuyển sang										
14/3/2024	HD 00000041	14/3/2024	Khách hàng CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC TÂN HỒNG thanh toán tiền của hóa đơn GTGT số 00000041 ngày 12/03/2024			1121		1.890.000		
14/3/2024	HD 00000041	14/3/2024	Khách hàng CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC TÂN HỒNG thanh toán tiền của hóa đơn GTGT số 00000041 ngày 12/03/2024			131-TH		1.890.000		
19/3/2024	HD 00000044	19/3/2024	Bán hàng cho BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN về gói chi phí thay mới thân máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải, chưa thanh toán			131-YHCT		80.179.200		
19/3/2024	HD 00000044	19/3/2024	Bán hàng cho BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN về gói chi phí thay mới thân máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải, chưa thanh toán			511		74.240.000		
19/3/2024	HD 00000044	19/3/2024	Bán hàng cho BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN về gói chi phí thay mới thân máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải, chưa thanh toán			3331		5.939.200		
24/3/2024	HD 00000047	24/3/2024	Khách hàng CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC TÂN HỒNG thanh toán trước 40% tiền bom định lượng của hóa đơn GTGT số 00000047 ngày 27/03/2024			1121		1.382.400		
24/3/2024	HD 00000047	24/3/2024	Khách hàng CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC TÂN HỒNG thanh toán trước 40% tiền bom định lượng của hóa đơn GTGT số 00000047 ngày 27/03/2024			131-TH		1.382.400		
27/3/2024	HD 00000047	27/3/2024	Bán hàng cho CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC TÂN HỒNG về cung cấp bom định lượng, thanh toán trước 40%			131-TH		3.456.000		
27/3/2024	HD 00000047	27/3/2024	Bán hàng cho CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC TÂN HỒNG về cung cấp bom định lượng, thanh toán trước 40%			511		3.200.000		
27/3/2024	HD 00000047	27/3/2024	Bán hàng cho CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC TÂN HỒNG về cung cấp bom định lượng, thanh toán trước 40%			3331		256.000		
27/3/2024	HD 00000047	27/3/2024	Khách hàng CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC TÂN HỒNG thanh toán phần còn lại của hóa đơn GTGT số 00000047 ngày 27/03/2024			1121		2.073.600		
27/3/2024	HD 00000047	27/3/2024	Khách hàng CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC TÂN HỒNG thanh toán phần còn lại của hóa đơn GTGT số 00000047 ngày 27/03/2024			131-TH		2.073.600		
Cộng chuyển sang trang sau				x	x	x		88.981.200	88.981.200	
- Số này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...										
- Ngày mở sổ: ...										
Người lập biểu (Ký, họ tên)							Kế toán trưởng (Ký, họ tên)			
							Ngày 31 tháng 03 năm 2024 Người đại diện theo pháp luật (Ký, họ tên, đóng dấu)			

Phụ lục 16: Sổ chi tiết công nợ với Công ty TNHH Một thành viên Lương thực Tân Hồng

Đơn vị: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH Địa chỉ: 345/72 Hà Huy Giáp, Khu Phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam							Mẫu số S38-DN (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)			
Sổ chi tiết công nợ theo đối tượng Tài khoản: 131 - Phải thu của khách hàng Đối tượng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC TÂN HỒNG Tháng 03 năm 2024 Loại tiền: VND										
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư			
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có		
A	B	C	D	E	1	2	3	4		
- Số dư đầu kỳ										
- Số phát sinh trong kỳ										
14/3/2024	HD 00000041	14/3/2024	Khách hàng CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC TÂN HỒNG thanh toán tiền của hóa đơn GTGT số 00000041 ngày 12/03/2024	1121		1.890.000				
27/3/2024	HD 00000047	27/3/2024	Bán hàng cho CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC TÂN HỒNG về cung cấp bom định lượng, thanh toán trước 40%	1121		1.382.400				
27/3/2024	HD 00000047	27/3/2024	Bán hàng cho CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC TÂN HỒNG về cung cấp bom định lượng, thanh toán trước 40%	511	3.200.000					
27/3/2024	HD 00000047	27/3/2024	Bán hàng cho CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC TÂN HỒNG về cung cấp bom định lượng, thanh toán trước 40%	3331	256.000					
27/3/2024	HD 00000047	27/3/2024	Khách hàng CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC TÂN HỒNG thanh toán phần còn lại của hóa đơn GTGT số 00000047 ngày 27/03/2024	1121		2.073.600				
					x	3.456.000	5.346.000			
					x					
- Số này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...										
- Ngày mở sổ: ...										
Người ghi sổ (Ký, họ tên)							Kế toán trưởng (Ký, họ tên)			
							Ngày 31 tháng 03 năm 2024 Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)			

Phụ lục 17: Sổ chi tiết công nợ với Bệnh viện Y học Cổ Truyền

Đơn vị: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH				Mẫu số S38-DN				
Địa chỉ: 345/72 Hà Huy Giáp, Khu Phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)				
Sổ chi tiết công nợ theo đối tượng Tài khoản: 131 - Phải thu của khách hàng Đối tượng: BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN Tháng 03 năm 2024 Loại tiền: VND								
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
19/3/2024	HD00000044	19/3/2024	Bán hàng cho BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN về gói chi phí thay mới thân máy thời khí của hệ thống xử lý nước thải, chưa thanh toán	511	74,240,000			
19/3/2024	HD00000044	19/3/2024	Bán hàng cho BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN về gói chi phí thay mới thân máy thời khí của hệ thống xử lý nước thải, chưa thanh toán	3331	5,939,200			
			- Cộng số phát sinh	x	80,179,200			
			- Số dư cuối kỳ	x				
- Số này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...								
- Ngày mở sổ: ...				Ngày 31 tháng 03 năm 2024				
Người ghi số (Ký, họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)			

Phụ lục 18: Sổ cái tài khoản 131 – Phải thu của khách hàng

Đơn vị: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH				Mẫu số S03b-DN				
Địa chỉ: 345/72 Hà Huy Giáp, Khu Phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)				
SỔ CÁI (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung) Tháng 03 Năm 2024 Tên tài khoản: Phải thu của khách hàng Số hiệu: 131								
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT đóng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu năm.				125,000,000	
			- Số phát sinh trong tháng					
14/3/2024	HD 00000041	14/3/2024	Khách hàng CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC TẤN HỒNG thanh toán tiền của hóa đơn GTGT			1121		1,890,000
19/3/2024	HD 00000044	19/3/2024	Bán hàng cho BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN về gói chi phí thay mới thân máy thời khí của hệ thống xử lý nước thải,			511	74,240,000	
19/3/2024	HD 00000044	19/3/2024	Bán hàng cho BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN về gói chi phí thay mới thân máy thời khí của hệ thống xử lý nước thải,			3331	5,939,200	
24/3/2024	HD 00000047	24/3/2024	Khách hàng CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC TẤN HỒNG thanh toán trước 40% tiền bom định lượng của hóa đơn GTGT số 00000047 ngày 27/03/2024			1121		1,382,400
27/3/202	HD 00000047	27/3/2024	Bán hàng cho CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC TẤN HỒNG về cung cấp bom định lượng, thanh			511	3,200,000	
27/3/202	HD 00000047	27/3/2024	Bán hàng cho CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC TẤN HỒNG về cung cấp bom định lượng, thanh			3331	256,000	
27/3/202	HD 00000047	27/3/2024	Khách hàng CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC TẤN HỒNG thanh toán phần còn lại của hóa đơn GTGT số 00000047 ngày 27/03/2024			1121		2,073,600
			- Cộng Số phát sinh tháng	x	x	x	83,635,200	5,346,000
			- Số dư cuối tháng	x	x	x	203,289,200	
- Số này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...								
- Ngày mở sổ: ...				Ngày 31 tháng 03 năm 2024				
Người lập biểu (Ký, họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Người đại diện theo pháp luật (Ký, họ tên, đóng dấu)			

Phụ lục 19: Sổ cái tài khoản 1121 – Tiền gửi ngân hàng

Đơn vị: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG – MÔI TRƯỜNG QH Địa chỉ: 345/72 Hà Huy Giáp, Khu Phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam						Mẫu số S03b-DN (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)			
SỐ CÁI (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung) Tháng 03 Năm 2024 Tên tài khoản: Tiền gửi ngân hàng Số hiệu: 1121									
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	SIT dòng		Nợ	Có	
A	B	C	D	E	G	H	1	2	
			- Số dư đầu năm. - Số phát sinh trong tháng					155,000,000	
14/3/2024	HD 00000041	14/3/2024	Khách hàng CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC TẤN HỒNG thanh toán tiền của hóa đơn GTGT số 00000041 ngày 12/03/2024			131-TH		1,890,000	
24/3/2024	HD 00000047	24/3/2024	Khách hàng CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC TẤN HỒNG thanh toán trước 40% tiền bom định lượng của hóa đơn GTGT số 00000047 ngày 27/03/2024			131-TH		1,382,400	
27/3/2024	HD 00000047	27/3/2024	Khách hàng CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC TẤN HỒNG thanh toán phần còn lại của hóa đơn GTGT số 00000047 ngày 27/03/2024			131-TH		2,073,600	
			- Cộng Số phát sinh tháng	x	x	x		5,346,000	
			- Số dư cuối tháng	x	x	x		160,346,000	
- Số này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...									
- Ngày mở sổ:...									
Người lập biểu (Ký, họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, họ tên)			Ngày 31 tháng 03 năm 2024 Người đại diện theo pháp luật (Ký, họ tên, đóng dấu)			


Phụ lục 20: Sổ cái tài khoản 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG – MÔI TRƯỜNG QH Địa chỉ: 345/72 Hà Huy Giáp, Khu Phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam						Mẫu số S03b-DN (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)			
SỐ CÁI (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung) Tháng 03 Năm 2024 Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Số hiệu: 511									
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	SIT dòng		Nợ	Có	
A	B	C	D	E	G	H	1	2	
			- Số dư đầu năm. - Số phát sinh trong tháng						
19/3/2024	HD 00000044	19/3/2024	Bán hàng cho BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN về gói chi phí thay mới thân máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải, chưa thanh toán			131-YHCT		74,240,000	
27/3/2024	HD 00000047	27/3/2024	Bán hàng cho CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC TẤN HỒNG về cung cấp bom định lượng, thanh toán trước 40%			131-TH		3,200,000	
			- Cộng Số phát sinh tháng	x	x	x		77,440,000	
			- Số dư cuối tháng	x	x	x			
- Số này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...									
- Ngày mở sổ:...									
Người lập biểu (Ký, họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, họ tên)			Ngày 31 tháng 03 năm 2024 Người đại diện theo pháp luật (Ký, họ tên, đóng dấu)			

Phụ lục 21: Sổ cái tài khoản 3331 – Thuế GTGT đầu ra

Đơn vị: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH Địa chỉ: 345/72 Hà Huy Giáp, Khu Phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				Mẫu số S03b-DN (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)					
SỐ CÁI (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung) Tháng 03 Năm 2024 Tên tài khoản: Thuế GTGT đầu ra Số hiệu: 3331									
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT đóng		Nợ	Có	
A	B	C	D	E	G	H	1	2	
			- Số dư đầu năm. - Số phát sinh trong tháng						
19/3/2024	HD 00000044	19/3/2024	Bán hàng cho BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN về gói chi phí thay mới thân máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải, chưa thanh toán			131-YHCT		5.939.200	
27/3/2024	HD 00000047	27/3/2024	Bán hàng cho CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LƯƠNG THỰC TÂN HỒNG về cung cấp bom định lượng, thanh toán trước 40%			131-TH		256.000	
			- Cộng Số phát sinh tháng					6.195.200	
			- Số dư cuối tháng	x	x	x			
- Số này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...									
- Ngày mở sổ...									
Người lập biểu (Ký, họ tên)				Kế toán trưởng (Ký, họ tên)				Ngày 31 tháng 03 năm 2024 Người đại diện theo pháp luật (Ký, họ tên, đóng dấu)	

Phụ lục 22: Sổ tổng hợp công nợ phải thu theo khách hàng

		CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH VPDD: 345/72 Hà Huy Giáp, KP3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP.HCM MST: 0313042939 TEL: 0286 6854539 Email: xaydungmoitruongqh@gmail.com Web: xaydungmoitruong.org/nhadepgiare.vn								
SỔ TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU THEO KHÁCH HÀNG THÁNG 3 NĂM 2024										
S T	NGÀY THANH TOÁN	HỢP ĐỒNG	TÊN CÔNG TY	TÊN HỢP ĐỒNG	CHƯA THANH TOÁN		ĐÃ THANH TOÁN		Nợ CHỮA THANH TOÁN	GH C
1	3/11/2024	1005/23/HDDV-QH-JVIG	CÔNG TY TNHH MÂY QUỐC TẾ VIỆT NAM NHẬT	Vận hành HTXNLN công suất 50m ³ /ngày đêm đạt QCVN 14:2008 cột B	22,804,200	00000002		22,804,200	00000002	0
2		2401/2024/HDKT-QH-YHCT	BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thay mới thân máy thổi khí của Hệ thống xử lý nước thải 350 m ³ /ngày đêm	80,179,200	00000044				80,179,200
3	3/12/2024	1602/23/HDDV-QH	CÔNG TY CỔ PHẦN SCAVI TẠI LÂM ĐỒNG	Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023	11,016,000	00000136		11,016,000	00000136	0
4	3/16/2024	2803/23/HDDV-QH	TYTY HUYỀN BẾN LỨC	Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường và báo cáo tình hình xả thải năm 2023	10,092,600	00000138		10,092,600	00000138	0
5	3/16/2024	2905/23/HDDV-QH	Công ty Cổ Phần Songrol Vina	Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023	18,792,000	00000149		18,792,000	00000149	0
		Trần Lê Như Ý		Trần Thị Bích Hạnh		Huỳnh Như Quý				

**Phụ lục 23: Bảng cân đối kế toán của
Công ty TNHH Xây dựng – Môi trường QH năm 2023**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Mẫu số: **B 01 – DN**
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NĂM)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giá định hoạt động liên tục)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH

[02] Mã số thuế: 0313042939

[03] Địa chỉ: 345/72 Hà Huy Giáp, Khu Phố 3B -
phường Thạnh Lộc

[04] Quận/Huyện:
Quận 12

[05] Tỉnh/Thành phố: TP Hồ
Chí Minh

[06] Điện thoại:

[07] Fax:

[08] E-mail:

BCTC đã được kiểm toán:

Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+ 120 + 130 + 140 + 150)	100		6.773.144.885	6.899.434.417
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)	110		3.021.394.167	2.550.790.846
1. Tiền	111		3.021.394.167	2.550.790.846
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 +...+ 137 + 139)	130		696.640.423	488.406.299
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		392.280.978	488.406.299
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		279.846.236	0
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		24.513.209	0
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	140		3.054.462.956	3.813.740.956
1. Hàng tồn kho	141		3.054.462.956	3.813.740.956
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác (150= 151 + 152 + ...+ 155)	150		647.339	46.496.316
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	46.496.316
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		647.339	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200= 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		214.371.871	286.712.330
I- Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 +...+ 216 + 219)	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0

2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227)	220		173.896.086	254.155.830
I. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	221		173.896.086	254.155.830
- Nguyên giá	222	561.818.182	561.818.182	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(387.922.096)	(307.662.352)	
2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)	227		0	0
- Nguyên giá	228		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		0	0
III. Bất động sản đầu tư (230 = 231 + 232)	230		0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
IV. Tài sản đang dở dài hạn (240 = 241 + 242)	240		0	0
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + ...+ 255)	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư khác vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
V. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268)	260		40.475.785	32.556.500
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	40.475.785	32.556.500	
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.987.516.756	7.186.146.747
C - NỢ PHẢI TRẢ (300= 310 + 330)	300		3.913.572.123	4.130.935.133
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 +...+ 323 + 324)	310		2.241.028.561	2.724.935.133
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	705.893.434	2.702.473.664	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1.509.337.410	0	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	24.465.806	3.041.188	
4. Phải trả người lao động	314		0	0
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		0	0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0

7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.331.911	19.420.281
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		0	0
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 + ... + 342 + 343)	330		1.672.543.562	1.406.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		1.672.543.562	1.406.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		3.073.944.633	3.055.211.614
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 + ... + 421 + 422)	410		3.073.944.633	3.055.211.614
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b)	411		3.000.000.000	3.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.000.000.000	3.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		0	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 = 421a + 421b)	421		73.944.633	55.211.614
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		55.211.614	30.163.345
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.733.019	25.048.269
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432)	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431		0	0

2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.987.516.756	7.186.146.747

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2024
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Huỳnh Nhơn Quý

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú:

- (1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại "Mã số" chỉ tiêu.
- (2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- (3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì "Số cuối năm" có thể ghi là "31.12.X"; "Số đầu năm" có thể ghi là "01.01.X".
- (4) Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH.

**Phụ lục 24: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của
Công ty TNHH Xây dựng – Môi trường QH năm 2023**

**PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023

Mẫu số: **B 02**
– DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC Ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH

[03] Mã số thuế: 0313042939

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.290.096.032	5.747.488.008
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		3.290.096.032	5.747.488.008
4. Giá vốn hàng bán	11		1.954.149.357	4.947.532.500
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.335.946.675	799.955.508
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.625.231	460.222
7. Chi phí tài chính	22		120.434.620	140.778.446
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		120.434.620	140.778.446
8. Chi phí bán hàng	25		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.193.721.012	628.326.948
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		23.416.274	31.310.336
11. Thu nhập khác	31		0	0
12. Chi phí khác	32		0	0
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		23.416.274	31.310.336
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4.683.255	6.262.067
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		18.733.019	25.048.269
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2024
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Huỳnh Nhơn Quý

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH.**

**Phụ lục 25: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của
Công ty TNHH Xây dựng – Môi trường QH năm 2023**

**PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**
(Theo phương pháp trực tiếp) (*)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023

Mẫu số: **B 03**
– **DN**
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH

[03] Mã số thuế: 0313042939

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		5.222.747.710	5.844.392.060
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(3.408.150.969)	(5.337.675.111)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.089.994.374)	(884.505.902)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(120.434.620)	(122.241.693)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(6.500.000)	(6.500.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		41.723.507	38.943.329
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(436.234.726)	(222.350.676)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		203.156.528	(689.937.993)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.625.231	460.222
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.625.231	460.222
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.680.000.000	1.716.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.413.456.438)	(1.722.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		266.543.562	(6.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		471.325.321	(695.477.771)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.550.068.846	2.346.268.617
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		3.021.394.167	1.650.790.846

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2024
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Huỳnh Nhơn Quý

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài Chính, 2014, Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
2. PGS.TS Võ Văn Nhị cùng PGS.TS Phan Thị Cúc – TS. Dương Hồng Thủy – Cử nhân Mai Bình Dương, 2015, Giáo trình Kế toán Tài chính, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
3. Tài liệu nội bộ Công ty TNHH Xây Dựng – Môi Trường QH, do Phòng Kế toán cung cấp.